

BÀI TẬP

I. ĐỌC

1. Trình bày đặc điểm của văn bản (VB) truyện, VB truyền thuyết.
2. Ý nào dưới đây **không** thể hiện đặc điểm của nhân vật truyền thuyết?
 - a. Thường có những điểm khác lạ về lai lịch, phẩm chất, tài năng, sức mạnh,...
 - b. Nhân vật là những người bình thường, nghèo khổ.
 - c. Thường gắn với sự kiện lịch sử và có công lớn đối với cộng đồng.
 - d. Được cộng đồng truyền tụng, tôn thờ.
3. Đặc điểm nào dưới đây **không** phải là đặc điểm của cốt truyện truyền thuyết?
 - a. Thường xoay quanh công trạng, kì tích của nhân vật mà cộng đồng truyền tụng, tôn thờ.
 - b. Thường sử dụng yếu tố kì ảo nhằm thể hiện tài năng, sức mạnh khác thường của nhân vật.
 - c. Thường kết thúc có hậu: thưởng phạt phân minh.
 - d. Cuối truyện thường gọi nhắc các dấu tích xưa còn lưu lại đến hiện tại.
4. Đọc VB dưới đây và trả lời các câu hỏi bên dưới:

TRUYỆN THUYẾT VỀ NGỌC BÀ THIÊN Y ANA

Xưa, có hai vợ chồng một lão tiều phu, tuổi đã cao mà vẫn chưa có con. Họ cất nhà trên núi Đại An, cạnh một cửa sông, sinh sống bằng việc đốn củi và phát rẫy trồng dưa trên triền núi. Nhiều lần thăm rẫy thấy hễ trái dưa nào chín tới đều bị mất, ông lão có ý rình xem kẻ hái trộm dưa là ai.

Một đêm kia, dưới ánh trăng mờ, ông lão bỗng thấy một cô bé đang hái trộm dưa. Cô vừa hái dưa vừa tung lên trời để dưa nghịch. Ông lão bèn giữ lại hỏi, mới biết cô gái mồ côi cha mẹ sống lưu lạc ở vùng này. Thấy diện mạo cô bé khác với người thường, lại ở vào hoàn cảnh đáng thương, vợ chồng ông lão đem lòng thương mến và đem về làm con nuôi, thương quý như con đẻ

của mình. Vợ chồng ông lão không hay biết rằng: chính cô bé mồ côi ấy là Thiên Y A Na hoá thân.

Đến một ngày kia vùng núi Đại An bị nạn hồng thủy, nước sông dâng lên một màu đỏ đục. Đứng trước cảnh tượng ấy, Thiên Y A Na bỗng nhớ tới cảnh tiên cung, mặt mây ủ dột, rồi để tự khuây khoả, Thiên Y A Na đi hái hoa quả trên núi, xếp đá lại, tạo nên một cảnh núi non giả, ngòi ngầm nghĩa và đùa nghịch để khỏi bận tâm đến cảnh thủy tai đang diễn ra quanh mình. Vì thế, Thiên Y A Na bị ông lão quở trách nặng lời. Hối hận vì mình đã làm cho cha mẹ nuôi phiền lòng, Thiên Y A Na đã dùng phép hoá thân, nhập vào khúc gỗ trầm đang trôi ra biển cả, rồi dạt vào bờ biển Bắc. Nhân dân địa phương thấy khúc gỗ quý, xúm nhau lại, định khiêng về, nhưng lạ thay hàng trăm người ghé vai vào đều khiêng không nổi.

Tin đồn đến tai thái tử miền nọ. Thái tử ra tận bờ biển nhắc thử, thì khúc gỗ được nhắc lên một cách nhẹ nhàng. Cho là điềm lạ, thái tử đem khúc gỗ về cung cất giữ coi như một vật quý hiếm. Một đêm nằm trần trọc mãi không sao ngủ được, thái tử định sang thư phòng xem sách, khi đi ngang qua vườn thượng uyển, bỗng thấy một cô gái trẻ, đẹp đang dạo chơi ở đó. Nghe tiếng động, cô gái vội vàng chạy về phía hoàng cung rồi biến mất. Nhưng vào một đêm khác, cô gái xuất hiện. Thái tử có ý bí mật theo dõi, dò xét để biết thực hư. Một cuộc gặp mặt diễn ra quá bất ngờ, cô gái không kịp hoá phép ẩn mình vào khúc gỗ, đành phải kể lại lai lịch của mình cho thái tử nghe. Thái tử đem lòng thương yêu cô gái. Tin này liền đến tai vua cha. Nhà vua cho mời thầy đoán quẻ. Thấy có điềm lành, vua liền cho kết duyên vợ chồng.

Sau mấy năm trời chung sống hạnh phúc nơi đất Bắc, Thiên Y A Na vẫn nhớ về vườn dưa, nơi cha mẹ nuôi sống lam lũ, hiu quạnh. Nỗi thương nhớ thôi thúc Thiên Y A Na trốn thái tử, bỏ hoàng cung, cùng hai con biến vào khúc gỗ trầm, theo dòng nước biển trôi về quê hương người Chăm-pa ở cửa biển Cù Huân.

Nhưng khi trở về Đại An, bà mới biết rằng cha mẹ nuôi đã qua đời từ lâu. Thiên Y A Na bèn lập miếu thờ hai ông bà trên núi Đại An. Trong thời gian ngắn ngủi lưu lại ở Đại An, bà đã tạo lập vườn tược nơi đất cũ, bày dân làng cách làm ruộng, cách chữa bệnh và nuôi dạy con cái. Sau đó Thiên Y A Na tự tạc tượng mình bằng khúc gỗ trầm dựng trên núi Cù Lao, rồi cùng hai con ra đi. Về sau, dân chúng xứ này đem tượng đó vào miếu để thờ.

Thái tử biển Bắc, từ khi xa cách vợ con, lòng nhớ thương sâu muộn khôn nguôi, quên ăn, quên ngủ. Thái tử bèn xin cha mẹ cấp cho một đội chiến thuyền, hướng về Nam, giông buồm chạy suốt ngày đêm để tìm tung tích mẹ con Thiên Y A Na. Khi thuyền tới biển Cù Huân, thái tử cho người lên núi hỏi thăm dân chúng về Thiên Y A Na. Nhưng từ lâu lắm, dân chúng đã không thấy tăm tích của Bà đâu nữa. Chỉ biết rằng Bà rất linh ứng. Người ta đồn rằng Thiên Y A Na lúc thì cưỡi voi trắng dạo chơi trên đỉnh núi, lúc thì hiện thành hình tấm lụa trắng bay trên không trung, có lúc lại cưỡi cá sấu qua lại giữa Cù Lao và Hòn Yến. Trước mỗi lần Bà hiển linh như vậy, thường có mây tiếng nổ to như sấm, tiếp đến, hào quang rực sáng cả một vùng.

Nhân dân địa phương nhớ ơn công đức của Thiên Y A Na, tôn xưng là “Ngọc Bà” hay “Thánh mẫu”. Họ bỏ bao công sức và tâm huyết xây một ngôi tháp thật đẹp và uy nghi trên ngọn núi thiêng, nơi tiếp giáp với cửa sông, gọi là Tháp Bà. Ngôi tháp ấy là để thờ Bà, nhưng cũng để thờ Thái tử, chồng bà (tức thờ Ông), thờ vợ chồng ông lão tiều phu (cha mẹ nuôi), cùng hai con của Bà. Trải qua mưa nắng thời gian, ngôi tháp đó vẫn tồn tại bền vững uy nghi cho đến tận ngày nay.

(Theo Trần Việt Kinh, *Văn hoá dân gian Khánh Hoà*, NXB Văn hoá dân tộc, 2012)

- a. Vì sao Thiên Y A Na được dân trong vùng tôn xưng là “Ngọc Bà” hay “Thánh mẫu”?
- b. Những đặc điểm nào ở nhân vật Thiên Y A Na trong VB trên giúp em nhận biết đó là nhân vật truyền thuyết?
- c. Theo em, về cốt truyện, *Truyện thuyết về Ngọc Bà Thiên Y A Na* đã thể hiện những đặc điểm nào của cốt truyện truyền thuyết?
- d. Tìm một số dẫn chứng cho thấy truyện có sử dụng yếu tố kì ảo và cho biết tác dụng của chúng trong VB trên.
- đ. VB trên tuy không sử dụng lời của nhân vật, nhưng đặc điểm của các nhân vật vẫn được thể hiện rõ. Tại sao?

II. TIẾNG VIỆT

1. Trình bày khái niệm từ đơn, từ phức, từ láy, từ ghép.

2. Xác định từ đơn, từ ghép, từ láy trong các đoạn văn sau:

a. *Một đêm nằm trần trọc mãi không sao ngủ được, Thái tử định sang thư phòng xem sách, khi đi ngang qua vườn thượng uyển, bỗng thấy một cô gái trẻ, đẹp đang dạo chơi ở đó. Nghe tiếng động, cô gái vội vàng chạy về phía hoàng cung rồi biến mất. Nhưng vào một đêm khác, cô gái xuất hiện. (Truyện thuyết về Ngọc Bà Thiên Y A Na)*

b. *Làng Liêu tỉnh dậy, vô cùng mừng rỡ. Bèn làm theo lời thần dặn, chọn gạo nếp thật tốt làm bánh vuông để tượng hình Đất, bỏ vào chỗ chung, cho nên gọi là bánh chung. Rồi giã xôi làm bánh tròn, để tượng hình Trời, gọi là bánh giầy. Còn lá xanh bọc ngoài và nhân ở trong ruột là tượng hình cha mẹ yêu thương đùm bọc con cái. (Bánh chưng, bánh giầy)*

3. Theo em, “bánh vuông” hoặc “bánh tròn” trong đoạn b có phải là từ phức hay không? Vì sao em cho là như vậy?

4. Trong thực tế giao tiếp, việc sử dụng từ đơn và từ phức, từ ghép và từ láy có những khác biệt về mức độ thông dụng. Em hãy đánh dấu x vào các nhận định đúng, sai về mức độ thông dụng của chúng ở các ô tương ứng trong bảng dưới đây:

Câu	Trong giao tiếp, người nói, người viết thường...	Đúng	Sai
a	ít khi chỉ sử dụng toàn là các từ đơn.		
b	ít khi chỉ sử dụng toàn là từ phức.		
c	ít khi sử dụng toàn từ láy.		
d	ít khi sử dụng toàn từ ghép.		
đ	ít khi kết hợp sử dụng từ đơn và từ phức.		
e	kết hợp sử dụng từ đơn và từ phức.		
g	kết hợp sử dụng cả từ đơn và từ ghép.		
h	kết hợp sử dụng từ đơn với từ ghép hoặc từ láy.		

5. Trong câu văn “Đến ngày hẹn, các hoàng tử đều đem đủ thứ của ngon vật lạ bày trên mâm cỗ mình làm để dự thi”, cụm từ “của ngon vật lạ” có phải thành ngữ không? Tìm một cụm từ có nghĩa tương tự để thay thế cho cụm từ “của ngon vật lạ” mà không làm cho nghĩa của câu thay đổi.

6. Tạo từ ghép từ các tiếng gốc dưới đây và nhận xét về sự khác biệt giữa nghĩa của các từ ghép vừa tạo ra so với nghĩa của các tiếng gốc (từ đơn):
a. *chơi*; b. *vườn*; c. *sách*; d. *mùi*.
7. Tạo từ láy từ các tiếng gốc dưới đây và nhận xét về sự khác biệt giữa nghĩa của các từ láy vừa tạo ra so với nghĩa của các tiếng gốc (từ đơn): a. *trẻ*; b. *đẹp*; c. *động*; d. *ngủ*.
8. Truyện *Bánh chưng, bánh giầy* gợi nhắc cho em nhớ đến thành ngữ nào về hình dáng của “Trời” và “Đất” theo quan niệm dân gian.

III. VIẾT NGẮN

Viết một đoạn văn (khoảng 150 đến 200 chữ) trình bày cảm nhận của em về vẻ đẹp một công trình văn hoá ở địa phương (một ngôi chùa, một ngọn tháp, một tượng đài nghệ thuật,...). Trong đoạn văn có sử dụng ít nhất hai từ đơn, hai từ phức.

IV. VIẾT

1. Trình bày đặc điểm kiểu bài tóm tắt nội dung chính của VB bằng sơ đồ.
2. Tóm tắt nội dung chính của VB *Truyện thuyết về Ngọc Bà Thiên Y A Na* bằng sơ đồ.

V. NÓI VÀ NGHE

1. Trình bày các bước thảo luận nhóm nhỏ về một vấn đề cần có một giải pháp thống nhất.
2. Chuẩn bị ý kiến và tham gia buổi thảo luận nhóm nhỏ về một vấn đề cần tìm giải pháp thống nhất cho một trong các đề tài dưới đây:
 - Cần làm gì để hình thành thói quen đọc sách?
 - Trình bày một số giải pháp để giúp nhau tiến bộ trong học tập.
 - Nêu những phương pháp hiệu quả để hoàn thành việc học bài, làm bài trước khi đến lớp.
 - Học môn Ngữ văn thế nào cho hiệu quả?
 - Bạn có thể làm gì để góp phần xây dựng nếp sống văn minh, lịch sự trong trường học?

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI TẬP

I. ĐỌC

1. Mục *Tri thức đọc hiểu* (bài 1, *Ngữ văn 6, tập một*, tr. 17, 18) giải thích khá nhiều khái niệm hỗ trợ cho việc đọc VB truyện nói chung, VB truyền thuyết nói riêng.

Để đáp ứng đúng yêu cầu của bài tập, em lưu ý các điểm sau:

– Lựa chọn một số khái niệm em cho là quan trọng.

– Nhắc lại khái niệm liên quan đến *truyện* trước, khái niệm liên quan đến *truyền thuyết* sau. Ví dụ: từ *nhân vật* đến *nhân vật truyền thuyết*, từ *cốt truyện* đến *cốt truyện truyền thuyết*,... Làm như thế, em sẽ có ý thức đối chiếu đặc điểm riêng của truyền thuyết với đặc điểm chung của truyện, đối chiếu cách đọc truyền thuyết nói riêng với cách đọc truyện nói chung.

2. Đọc lại phần đặc điểm của nhân vật truyền thuyết để chọn câu trả lời đúng (b).

3. c.

4.

a. Dựa vào công lao của Thiên Y A Na để tìm câu trả lời.

b. Dựa vào mục *nhân vật truyền thuyết* trong *Tri thức đọc hiểu* (bài 1, *Ngữ văn 6, tập một*, tr. 18), em đối chiếu các đặc điểm của nhân vật truyền thuyết nói chung với đặc điểm của nhân vật Ngọc Bà Thiên Y A Na để tìm ra các biểu hiện cụ thể của nhân vật truyền thuyết qua nhân vật này. Em có thể làm việc này theo nhiều cách. Chẳng hạn:

– Cách 1: Nêu lại các đặc điểm của nhân vật truyền thuyết trước, sau đó lần lượt nêu các biểu hiện cụ thể của chúng qua nhân vật Ngọc Bà Thiên Y A Na. Tức là trình bày theo trình tự:

+ Các đặc điểm của nhân vật truyền thuyết (a, b,...).

+ Biểu hiện cụ thể của nhân vật truyền thuyết qua nhân vật Ngọc Bà Thiên Y A Na (a, b,...).

– Cách 2: Lần lượt chỉ ra biểu hiện của từng đặc điểm nhân vật truyền thuyết qua nhân vật Ngọc Bà Thiên Y A Na. Tức là trình bày theo trình tự:

+ Đặc điểm thứ nhất của nhân vật truyền thuyết và biểu hiện của đặc điểm này qua nhân vật Ngọc Bà Thiên Y A Na.

+ Đặc điểm thứ hai của nhân vật truyền thuyết và biểu hiện của đặc điểm này qua nhân vật Ngọc Bà Thiên Y A Na.

+ ...

Theo cách 2, ta có câu trả lời:

– Ngọc Bà Thiên Y A Na, gắn với lịch sử xa xưa của vùng núi Đại An (Nha Trang, Khánh Hoà ngày nay) là người có công khai lập vùng đất vườn dưa, dạy cho dân cách trồng trọt, ... góp phần phát triển vùng đất này. (Đặc điểm thứ nhất của nhân vật truyền thuyết).

– Cũng vì vậy, nhân vật Ngọc Bà Thiên Y A Na, được dân trong vùng truyền tụng, tôn thờ. (Đặc điểm thứ hai của nhân vật truyền thuyết).

c. Đọc lại phần đặc điểm của cốt truyện truyền thuyết để trả lời.

d. Em nên thực hiện bài tập này theo hai bước:

Bước 1: Xác định yếu tố kì ảo.

Bước 2: Nhận xét tác dụng của việc sử dụng yếu tố kì ảo. Chẳng hạn:

– Trong *Truyện thuyết về Ngọc Bà Thiên Y A Na*, các chi tiết kì ảo là khả năng biến hoá của nhân vật chính (nhập vào và thoát ra khỏi khúc gỗ trầm hương một cách dễ dàng, đến hay đi đều bất ngờ, khi Bà hiển linh có tiếng nổ, ...).

– Tác dụng của yếu tố kì ảo là:

+ Làm nổi bật vẻ kì ảo của nhân vật Ngọc Bà Thiên Y A Na.

+ Tạo những tình huống, sự việc bất ngờ, làm cho truyện thêm hấp dẫn, lôi cuốn, ...

đ. Trong VB truyện nói chung, truyền thuyết nói riêng, tác giả có thể miêu tả nhân vật bằng nhiều yếu tố như lời của người kể chuyện, lời của nhân vật. Trong đó lời của nhân vật chỉ là yếu tố phụ, không nhất thiết phải có, còn lời của người kể chuyện là yếu tố quyết định, không thể thiếu.

Trong *Truyện thuyết về Ngọc Bà Thiên Y A Na*, nhờ lời của người kể chuyện mà các nhân vật vẫn được thể hiện rõ.

II. TIẾNG VIỆT

1. Học sinh (HS) tự trả lời.

2. Bài tập này yêu cầu em xác định một số từ đơn, từ ghép, từ láy trong hai đoạn văn (a và b). Em có thể liệt kê từ đơn, từ ghép, từ láy thành ba dãy từ theo cách gạch đầu dòng hoặc theo cách lập bảng. Điều quan trọng là không được nhầm lẫn từ phức với một tập hợp từ đơn không phải từ phức, không nhầm lẫn từ ghép với từ láy.

Dưới đây là ví dụ liệt kê theo dãy (gạch đầu dòng) một số từ đơn, từ ghép, từ láy trong đoạn (a).

– Từ đơn: *một, đêm, năm, ngủ, vườn, bông, thấy, ở, đó, một, trẻ, đẹp, ...*

– Từ ghép: *Thái tử, thư phòng, thương yêu, cô gái, dạo chơi, hoàng cung, xuất hiện, ...*

– Từ láy: *trần trọc, vội vàng.*

Thực hiện tương tự với đoạn (b).

3. Để trả lời câu hỏi này, em có thể căn cứ trên sự khác biệt giữa từ phức và một nhóm từ đơn độc lập đứng cạnh nhau như: một bên có tính chặt chẽ (từ phức) một bên có tính lỏng lẻo (tập hợp từ không phải từ phức). Trường hợp “bánh vuông” cũng như “bánh tròn” trong đoạn (b) không phải là từ láy, cũng không phải là từ ghép. Chúng là các tập hợp từ đơn độc lập đứng cạnh nhau, nên dễ dàng xen thêm các từ đơn, ví dụ các từ “có hình” vào giữa: “bánh có hình vuông”, “bánh có hình tròn”, ...

4.

– Các nhận định đúng: a, b, c, d, e, g, h.

– Nhận định sai: đ (Trong giao tiếp, người nói, người viết thường ít khi kết hợp sử dụng từ đơn và từ phức).

Kết quả đánh dấu đúng như sau:

Câu	Trong giao tiếp, người nói, người viết thường...	Đúng	Sai
a	ít khi chỉ sử dụng toàn là các từ đơn.	x	
b	ít khi chỉ sử dụng toàn là từ phức.	x	

c	ít khi sử dụng toàn từ láy.	x	
d	ít khi sử dụng toàn từ ghép.	x	
đ	ít khi kết hợp sử dụng từ đơn và từ phức		x
e	kết hợp sử dụng từ đơn và từ phức.	x	
g	kết hợp sử dụng cả từ đơn và từ ghép.	x	
h	kết hợp sử dụng từ đơn với từ ghép và (hoặc) từ láy.	x	

5.

– Trong câu văn “Đến ngày hẹn, các hoàng tử đều đem đủ thứ của ngon vật lạ bày trên mâm cỗ mình làm để dự thi”, cụm từ “của ngon vật lạ” là một thành ngữ.

– Cụm từ có thể thay thế cho “của ngon vật lạ” mà không làm cho nghĩa của câu thay đổi là: “son hào hải vị”, “món ăn quý hiếm”,...

III. VIẾT NGẮN

Cách làm:

- Chọn một công trình văn hoá ở địa phương, tìm thông tin về công trình đó.
- Viết đoạn văn trình bày cảm nhận của mình về công trình.
- Chú ý sử dụng từ đơn, từ phức khi viết.

IV. VIẾT

1. Xem lại bài tóm tắt nội dung chính của VB *Thánh Gióng* bằng sơ đồ trong sách giáo khoa (SGK) *Ngữ văn 6, tập một* để trả lời câu hỏi.

2. Em hãy thực hiện các công việc sau:

– Đọc lại VB *Truyện thuyết về Ngọc Bà Thiên Y A Na* để nắm được nội dung chính của VB này.

– Xác định tổng số phần, đoạn, ý chính của VB (tương đương với chuỗi sự việc được kể trong VB) và mối quan hệ giữa các phần, đoạn, ý chính.

– Từ đó dự kiến số phần, đoạn, ý chính (số sự việc) sẽ được tóm tắt trong sơ đồ.

– Chọn từ khoá thể hiện được nội dung các phần, đoạn, ý chính.

– Vẽ sơ đồ.

Tham khảo hai sơ đồ dưới đây:

Sơ đồ 1. Tóm tắt VB Truyền thuyết về Ngọc Bà Thiên Y A Na
(theo các sự việc chính của cốt truyện)

Tên VB: Truyền thuyết về Ngọc Bà Thiên Y A Na

Nội dung chính:

Truyện kể về sự tích Tháp Bà Nha Trang, qua đó ca ngợi công đức của Ngọc Bà Thiên Y A Na.

1. Lão tiểu phu phát hiện kẻ trộm dưa vườn nhà mình là một cô gái và nhận làm con nuôi. Kì thực, đó là Thiên Y A Na hoá thân.

2. Một hôm ông tiểu lỗ lời quở trách con nuôi là kẻ vô tâm. Cô gái buồn bã, ân hận hoá phép nhập vào khúc gỗ trầm, trôi dạt đến bờ biển Bắc xa xôi.

3. Thái tử biển Bắc phát hiện người ẩn trong khúc gỗ trầm kia là một cô gái xinh đẹp, cưới nàng làm vợ, sinh hạ được hai con.

4. Thiên Y A Na cùng theo hai con tìm về thăm lại cha mẹ nuôi, nhưng hai ông bà đã qua đời. Nàng lập miếu thờ cha mẹ, tạo lập vườn tược nơi đất cũ, bày dân làng cách làm ruộng, cách chữa bệnh và nuôi dạy con cái.

5. Nhân dân địa phương tôn xưng Bà là “Ngọc Bà” hay “Thánh mẫu”, xây tháp thờ Bà cùng những người thân của Bà ở một ngọn núi cao nơi cửa biển Nha Trang. Tháp ấy có tên là Tháp Bà.

Sơ đồ 2. Tóm tắt VB Truyền thuyết về Ngọc Bà Thiên Y A Na
(theo hành động của nhân vật chính)

Tên VB: Truyền thuyết về Ngọc Bà Thiên Y A Na

Nội dung chính:

Truyện kể về sự tích Tháp Bà Nha Trang, qua đó ca ngợi công đức của Ngọc Bà Thiên Y A Na.

1. Thiên Y A Na hoá thân làm cô gái mồ côi được vợ chồng lão tiểu phu nhận làm con nuôi.

2. Thiên Y A Na bị quả trách, hoá thân vào khúc gỗ trầm trôi dạt về biển Bắc.

3. Thiên Y A Na kết hôn với thái tử biển Bắc, sinh hạ được hai con.

4. Thiên Y A Na về quê thăm cha mẹ nuôi và giúp dân trong vùng.

5. Nhân dân địa phương biết ơn, xây Tháp Bà để thờ Thiên Y A Na và những người thân của Bà.

Lưu ý:

Dù vẽ sơ đồ tóm tắt bằng cách nào thì các em cũng phải sử dụng được một số từ khoá như:

– Tên các nhân vật, địa danh (Thiên Y A Na, vợ chồng ông tiều, thái tử, biển Bắc, ...).

– Các sự kiện chính theo diễn biến hành động của nhân vật: được nhận làm con nuôi, hoá thân và ra đi, kết hôn và sinh con, trở về và giúp dân, được dựng tháp thờ.

Sau khi tóm tắt xong em hãy tự kiểm tra lại sơ đồ theo các tiêu chí sau:

- Bao quát được nội dung chính của VB.
- Tương ứng về số phần, đoạn, ý chính giữa sơ đồ và VB.
- Sử dụng các từ khoá phù hợp để tóm tắt.
- Thể hiện rõ mối quan hệ giữa các phần, đoạn, ý chính của VB.

VI. NÓI VÀ NGHE

1. Xem lại hướng dẫn trong SGK về các bước thảo luận trong nhóm để trả lời câu hỏi.

2. Bài tập *Chuẩn bị ý kiến và tham gia buổi thảo luận nhóm nhỏ về một vấn đề cần tìm giải pháp thống nhất* gồm hai yêu cầu:

Yêu cầu thứ nhất: chuẩn bị ý kiến của mình để tham gia thảo luận.

Yêu cầu thứ hai: tham gia thảo luận (phát biểu ý kiến của em và thảo luận, phản hồi ý kiến của bạn khác trong nhóm để đưa ra kết luận về giải pháp thống nhất cho vấn đề).

Đối với yêu cầu thứ nhất, em cần:

- Chọn một trong số các đề tài mà SGK đã cho hoặc chọn đề tài khác mà em quan tâm.
- Chuẩn bị ý kiến của mình để phát biểu, trao đổi trong nhóm.
- Tập trình bày ý kiến của mình.